

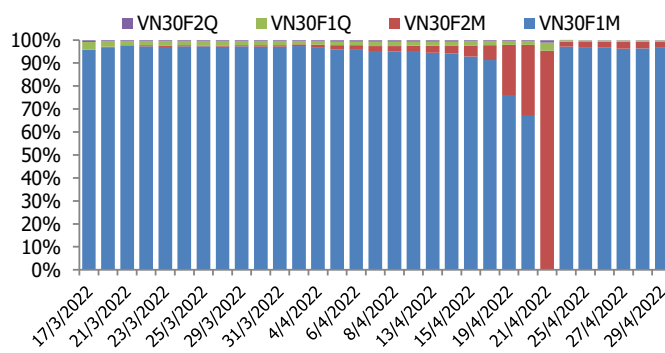
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2205 | 19/5/2022 | 16 | 1409.00 | 29,288 |
| VN30F2206 | 16/6/2022 | 44 | 1409.60 | 833 |
| VN30F2209 | 15/9/2022 | 135 | 1404.70 | 150 |
| VN30F2212 | 15/12/2022 | 226 | 1416.00 | 44 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phải sinh tạo vùng dao động với các nhịp tăng giảm đan xen. Kết phiên, cả 4 HĐTL đóng cửa tăng điểm mạnh với mức từ 9,7 điểm đến 22 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 16,43 điểm. Do đó, basis của các HĐTL không thay đổi nhiều so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2205 tăng nhẹ lên -8,31 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2206 giảm xuống -7,71 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng so với phiên liền trước, đạt 245.756 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 05 với 2.696 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 92 hợp đồng.
- Nhịp hồi phục của thị trường đã xảy ra ở kịch bản thuận lợi, giảm trước tăng sau là diễn biến phù hợp để kiểm tra lượng hàng bắt đáy về tài khoản. Thanh khoản thị trường thậm chí còn tăng so với 2 phiên tăng trước đó cho thấy nhà đầu tư đang có kỳ vọng nhịp phục hồi còn có thể kéo dài. Dù thanh khoản vẫn ở thấp nhưng dòng tiền lan tỏa tích cực hơn so với phiên hôm qua với hơn 300 mã tăng điểm, các nhóm cổ phiếu như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, dầu khí... là động lực chính giúp thị trường duy trì đà tăng. Chúng tôi cho rằng thị trường thị trường sẽ tiếp tục duy trì đà tăng và dòng tiền có sự phân hóa trong các phiên sắp tới, đà tăng chậm lại và thanh khoản sẽ được cải thiện, thị trường có nhiều cơ hội để kiểm định vùng cản mạnh 1400-1425 điểm.
- Khi động lực hưng phấn của kết quả kinh doanh quý I dần qua đi, thị trường rơi vào vùng trũng của thông tin và thiếu động lực thì dòng tiền sẽ trở lại nhóm cổ phiếu cơ bản với mức vốn hóa thấp. Sự chuyển dịch này đang dẫn đưa VN30-Index về xu hướng đi ngang trung hạn. Chiến lược ưu tiên sẽ là giao dịch trong biên độ và duy trì tỷ trọng thấp để giảm thiểu rủi ro rung lắc, đặc biệt là với khung thời gian giao dịch ngắn hạn. Nếu lướt sóng chiều Long, nhà đầu tư canh khu vực hỗ trợ mạnh 1380 - 1400 điểm và cắt lỗ tại 1380 điểm, có thể tăng xác suất mở lệnh bằng cách tìm kiếm mẫu hình đảo chiều như hai đáy hay phân kỳ dương. Ở chiều ngược lại, vị thế Bán khống chủ động có thể thực thi nếu giá hồi vọt vàng trong phiên đầu tuần ở 1428-1432 điểm, quản trị rủi ro khi VN30F1M vượt hẳn qua 1436 điểm. Xu hướng yếu nên các vị thế nắm giữ dài hạn không có phương án hành động hợp lý.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

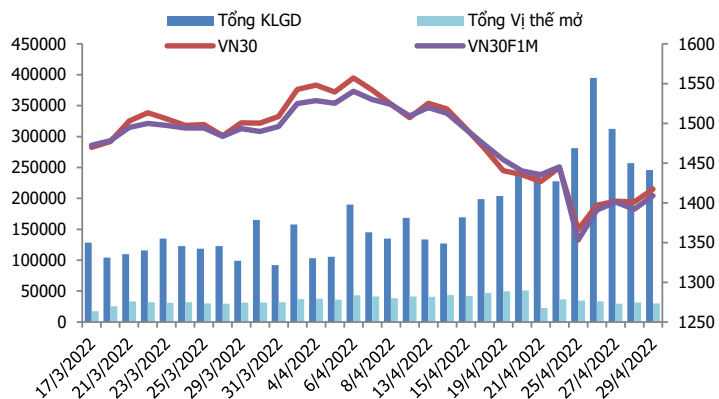
Với bối cảnh hiện tại, chiến lược trading trong biên độ sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1418-1421 điểm hoặc 1428-1432 điểm. Đối với chiến lược Long, khi chiết khấu thấp hơn so với vùng giá hiện tại (vùng 1400-1405 điểm hoặc 1380-1385 điểm).

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Thị trường đang xuất hiện những nhịp dao động mạnh không phù hợp với chiến lược giữ vị thế qua đêm.

Chiến lược giao dịch spread

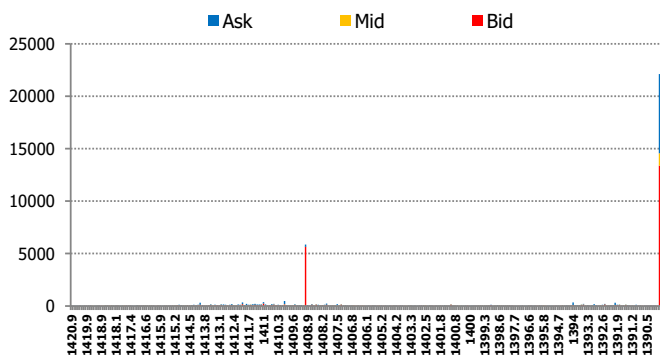
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2205 | 1409.0 | 0.72 | 244,985 | -4.4 | 29,288 | -3.0 |
| VN30F2206 | 1409.6 | 0.57 | 629 | -14.8 | 833 | -6.9 |
| VN30F2209 | 1404.7 | -0.58 | 117 | 95.0 | 150 | -11.2 |
| VN30F2212 | 1416.0 | 0.12 | 25 | -7.4 | 44 | -13.7 |
| Tổng | | | 245,756 | -4.4 | 30,315 | -3.1 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Thị trường phái sinh tạo vùng dao động với các nhịp tăng giảm đan xen. Kết phiên, cả 4 HĐTL đóng cửa tăng điểm mạnh với mức từ 9,7 điểm đến 22 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 16,43 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng nhẹ 0,16% so với phiên liền trước, đạt 245.756 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 05 với 244.985 hợp đồng. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 05 với 2.696 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 92 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2205 là 1.418,31 điểm (cao hơn 9,31 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2206 là 1.419,72 điểm (+10,12 điểm), VN30F2209 là 1.424,3 điểm (+19,6 điểm) và VN30F2212 là 1.428,89 điểm (+12,89 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

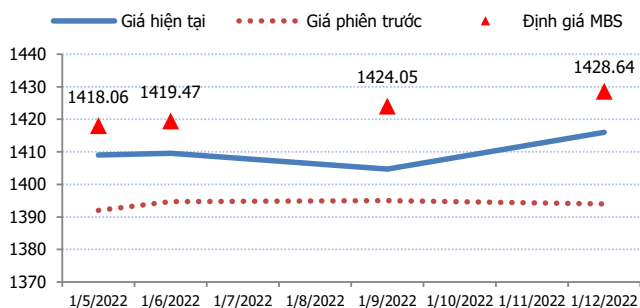
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | BUY | BUY | SELL |
| Hỗ trợ | 1400-1405 | 1380-1385 | 1300-1320 |
| Kháng cự | 1418-1421 | 1428-1432 | 1470-1485 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | 0.6 | 2.70 | -2.1 | 0.84 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -4.3 | 3.00 | -7.3 | -5.22 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -4.9 | 0.30 | -5.2 | -6.06 |
| VN30F2Q - VN30F1M | 7 | 2.00 | 5 | -5.26 |
| VN30F2Q - VN30F2M | 6.4 | -0.70 | 7.1 | -6.1 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | 11.3 | -1.00 | 12.3 | -0.04 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



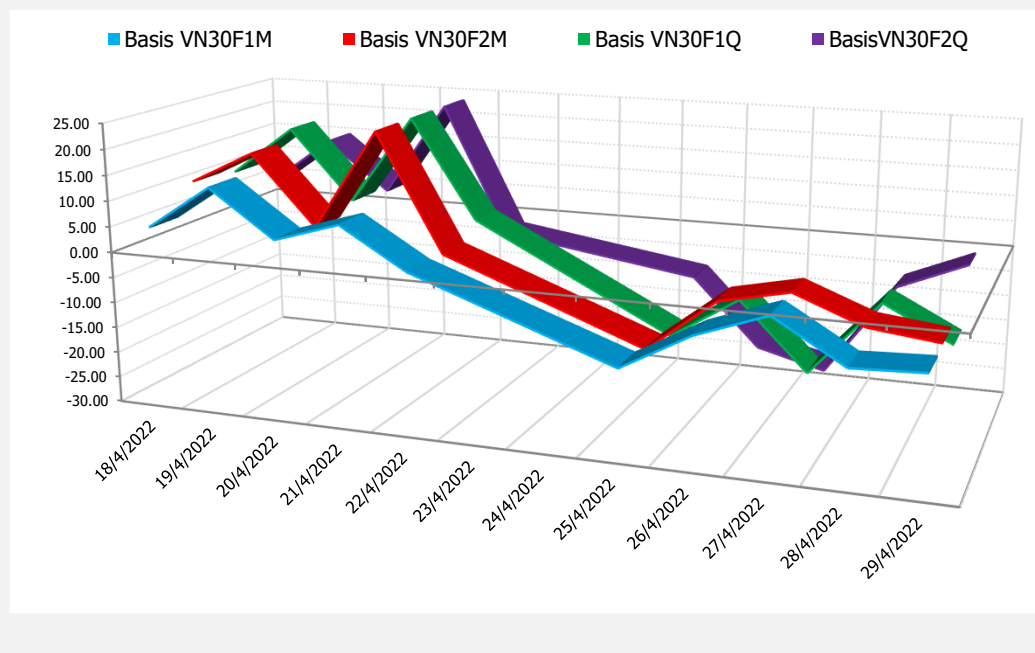
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

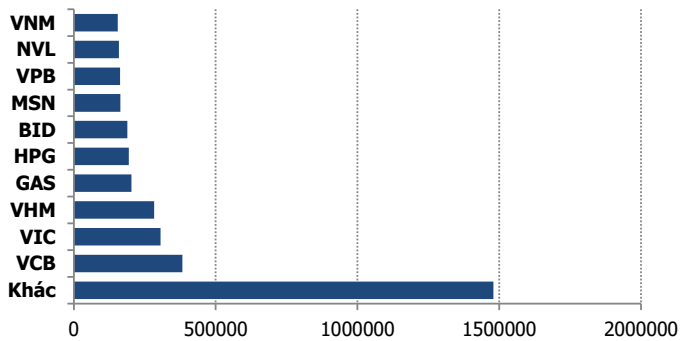
- Thị trường phải sinh tạo vùng dao động với các nhịp tăng giảm đan xen. Kết phiên, cả 4 HĐTL đóng cửa tăng điểm mạnh với mức từ 9,7 điểm đến 22 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 16,43 điểm. Do đó, basis của các HĐTL không thay đổi nhiều so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2205 tăng nhẹ lên -8,31 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2206 giảm xuống -7,71 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng -4,9 điểm đến 11,3 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) giảm đi 2,1 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

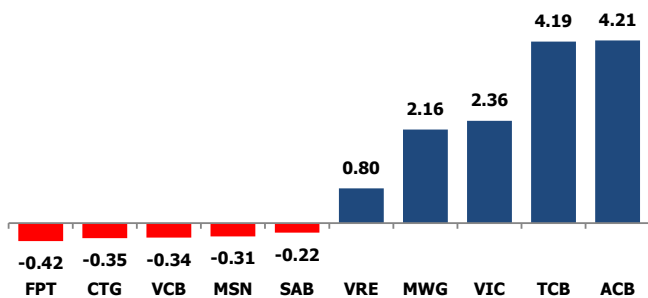


| | VNIndex | VN30 |
|------------------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1366.8 | 1417.31 |
| Thay đổi | 15.81 | 16.43 |
| %Chg | 1.17 | 1.17 |
| YTD | -8.78 | -7.71 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,419.24 | 3,676.21 |
| P/E | 14.92 | 12.31 |
| P/B | 2.31 | 2.39 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính hồi phục tích cực. Số mã tăng điểm (21) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (7) và 2 mã đứng tham chiếu. ACB và TCB trở thành hai trụ đỡ góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +4,21 điểm và +4,19 điểm; ngoài ra VIC, MWG hay VRE cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 16,43 điểm (+1,17%) lên 1.417,31 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 163,94 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 8.474 tỷ đồng.

Khối ngoại quay trở lại mua ròng với 109,59 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như NLG (+158 tỷ đồng), VCB (+147 tỷ đồng), DGC (+45 tỷ đồng), KDH (+42 tỷ đồng), HPG (+18 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIndex | 1,366.80 | 1.17 | 14.92 | (8.78) |
| Dow Jones | 33,128.79 | 0.20 | 17.85 | (8.83) |
| S&P500 | 4,175.48 | 0.48 | 21.29 | (12.39) |
| Nikkei 225 | 26,818.53 | (0.11) | 14.84 | (6.85) |
| Shanghai | 3,047.06 | 2.41 | 12.29 | (16.28) |
| DAX | 14,039.47 | 0.72 | 14.08 | (11.62) |
| Vàng | 1,865.42 | (0.14) | | 1.98 |
| Dầu WTI | 103.19 | 0.76 | | 37.20 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 25/04/2022 | | | |
| Đức - Chỉ số môi trường kinh doanh Ifo (Tháng 4) | 90.8 | 89.1 | 91.8 |
| Thứ Ba - 26/04/2022 | | | |
| Mỹ - Đơn đặt hàng hoá lâu bền lõi (tháng/tháng) (Tháng 3) | -0.5% | 0.6% | 1.1% |
| Mỹ - Niềm tin tiêu dùng của CB (Tháng 4) | 107.6 | 108.0 | 107.3 |
| Mỹ - Doanh số bán nhà mới (Tháng 3) | 835K | 765K | 763K |
| Thứ Tư - 27/04/2022 | | | |
| Úc - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (quý/quý) (Quý 1) | 1.3% | 1.7% | 2.1% |
| Mỹ - Doanh số nhà chờ bán (tháng/tháng) (Tháng 3) | -4.0% | -1.6% | -1.2% |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | -8.020M | 2.000M | 0.692M |
| Thứ Năm - 28/04/2022 | | | |
| Mỹ - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 1) | 6.9% | 1.1% | -1.4% |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 185K | 180K | 180K |
| Thứ Sáu - 29/04/2022 | | | |
| Đức - GDP (quý/quý) (Quý 1) | -0.3% | 0.1% | 0.2% |
| Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 4) | 7.4% | 7.5% | 7.5% |
| Canada - Tổng GDP (tháng/tháng) (Tháng 2) | 0.2% | 0.8% | 1.1% |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ tăng nhẹ khi nhà đầu tư chờ đợi quyết định quan trọng của Fed. Đóng cửa, chỉ số S&P 500 tăng 0,48% 4.175,48 điểm. Chỉ số Dow Jones cộng 67,29 điểm (+0,2%) lên 33.128,79 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite tiến 0,22% lên 12.563,76 điểm. Phố Wall chủ yếu dự báo Fed sẽ nâng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản trong tuần này, trong khi một số nhà đầu tư tin dự báo ngân hàng trung ương sẽ thắt chặt chính sách tiền tệ mạnh tay đã được định giá vào thị trường.
- Giá dầu giảm hơn 2%, do lo ngại nhu cầu suy giảm khi Trung Quốc tăng cường các hạn chế bởi Covid-19 kéo dài, làm lu mờ triển vọng cấm vận của châu Âu đối với dầu thô Nga. Chốt phiên, dầu thô Brent giảm 2,61 USD tương đương 2,4% xuống 104,97 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 2,76 USD tương đương 2,6% xuống 102,41 USD/thùng.
- Giá vàng tăng do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ và đồng USD giảm, trong khi các nhà đầu tư dự đoán một đợt tăng lãi suất tích cực từ Cục Dự trữ Liên bang khi kết thúc cuộc họp chính sách kéo dài 2 ngày. Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,4% lên 1.870,56 USD/ounce, trong đầu phiên giao dịch giá vàng chạm 1.849,9 USD/ounce – thấp nhất kể từ ngày 16/2/2022 và vàng kỳ hạn tháng 6/2022 trên sàn New York tăng 0,4% lên 1.870,6 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 ACB, TCB và VIC là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 tăng điểm trở lại. Trong đó, ACB đóng góp +4,21 điểm cho chỉ số VN30.

Phân tích kỹ thuật ACB



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|----------|------|
| VPB | Banks | 8.70 | 36,700 | 0.55 | 1.65% | 486.158 | 0.67 | 9.47 | 1.87 |
| HPG | Metals & Mining | 8.11 | 43,300 | 0.46 | 1.28% | 533.327 | 0.53 | 6.04 | 2.14 |
| TCB | Banks | 7.65 | 44,000 | 4.02 | 4.27% | 423.691 | 4.19 | 8.06 | 1.58 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 6.35 | 80,000 | 2.70 | 4.44% | 168.327 | 2.36 | #N/A N/A | 2.92 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 6.17 | 105,000 | -0.47 | 2.78% | 420.777 | -0.42 | 20.38 | 4.97 |
| ACB | Banks | 5.72 | 32,700 | 5.48 | 6.34% | 148.921 | 4.21 | 8.49 | 1.83 |
| MWG | Specialty Retail | 5.41 | 149,200 | 2.90 | 3.31% | 257.639 | 2.16 | 21.51 | 5.22 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 5.05 | 65,000 | 0.78 | 3.17% | 436.94 | 0.55 | 7.40 | 2.19 |
| MSN | Food Products | 5.00 | 116,000 | -0.43 | 3.04% | 128.081 | -0.31 | 19.18 | 5.01 |
| VNM | Food Products | 4.72 | 74,200 | -0.13 | 1.35% | 121.4 | -0.09 | 16.42 | 4.69 |
| MBB | Banks | 4.71 | 29,800 | 1.19 | 2.05% | 251.399 | 0.78 | 8.22 | 1.76 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 4.22 | 82,000 | 0.37 | 2.48% | 264.636 | 0.22 | 42.92 | 4.52 |
| STB | Banks | 3.78 | 27,700 | 0.00 | 2.74% | 310.836 | 0.00 | 14.88 | 1.52 |
| VCB | Banks | 3.21 | 80,900 | -0.74 | 2.88% | 102.403 | -0.34 | 17.47 | 3.51 |
| HDB | Banks | 2.69 | 25,300 | 0.40 | 1.80% | 56.819 | 0.15 | 7.86 | 1.63 |
| VJC | Airlines | 2.68 | 129,900 | 0.70 | 3.40% | 70.425 | 0.26 | 57.21 | 4.16 |
| TPB | Banks | 2.43 | 33,600 | 0.00 | 3.77% | 102.168 | 0.00 | 10.16 | 1.94 |
| SSI | Capital Markets | 1.77 | 33,550 | 0.15 | 3.17% | 312.472 | 0.04 | 11.10 | 2.23 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.69 | 108,000 | 1.69 | 2.82% | 49.829 | 0.40 | 19.84 | 3.27 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.67 | 30,900 | 3.52 | 3.52% | 127.013 | 0.80 | 77.07 | 2.27 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.52 | 47,900 | 1.91 | 3.44% | 85.996 | 0.41 | 26.89 | 3.02 |
| CTG | Banks | 1.52 | 27,750 | -1.60 | 2.16% | 166.465 | -0.35 | 10.85 | 1.37 |
| PDR | Capital Markets | 1.27 | 62,100 | 0.16 | 3.31% | 125.423 | 0.03 | 22.36 | 5.71 |
| SAB | Food Products | 0.87 | 162,100 | -1.76 | 3.75% | 26.243 | -0.22 | 27.16 | 4.86 |
| GAS | Gas Utilities | 0.77 | 106,000 | -1.58 | 3.24% | 58.518 | -0.18 | 24.20 | 3.97 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.59 | 13,150 | 2.73 | 5.12% | 135.253 | 0.22 | 17.13 | 1.08 |
| BID | Banks | 0.57 | 37,250 | 1.50 | 2.58% | 56.699 | 0.12 | 16.44 | 2.18 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.46 | 48,000 | 0.42 | 2.32% | 41.861 | 0.03 | 20.48 | 2.43 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.35 | 28,850 | 0.35 | 2.99% | 50.389 | 0.02 | 27.76 | 2.41 |
| BVH | Beverages | 0.35 | 62,100 | 3.50 | 5.40% | 101.595 | 0.17 | 24.31 | 2.18 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |